

Số: 1756/QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 08 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới
xã Phước Hiệp, giai đoạn 2013 - 2020.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết 24/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 2046/HD-SNN-SXD ngày 20/7/2012 của Sở NN&PTNT-Sở Xây dựng về quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-CTUBND ngày 20/12/2012 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung xã Nông thôn mới xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 24/7/2013 của Thường trực Đảng ủy-HĐND-UBND-UBMTTQVN xã và các đoàn thể xã Phước Hiệp về việc Thông qua Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Hiệp, giai đoạn 2013 - 2020;

Xét đề nghị của UBND xã Phước Hiệp tại Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2013, kèm theo Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Hiệp giai đoạn 2013-2020 do UBND xã Phước Hiệp đã lập đã được Tổ thẩm định huyện (Phòng NN&PTNT) thẩm định tại Báo cáo số 189/BC-TTĐ ngày 24/7/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Hiệp giai đoạn 2013 - 2020, với các nội dung chính như sau:

- **Tên Đề án:** Đề án xây dựng NTM xã Phước Hiệp giai đoạn 2013 - 2020.

- **Chủ quản Đề án:** Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp.

Điều hành thực hiện Đề án: Ban Quản lý xây dựng NTM xã Phước Hiệp.

- **Địa điểm xây dựng Đề án:** Trên địa bàn xã Phước Hiệp, bao gồm 8 thôn.

NỘI DUNG CỤ THỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN:

1. Mục tiêu chung:

- Đến năm 2020, xây dựng xã Phước Hiệp đạt chuẩn nông thôn mới theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009.

- Phát triển kinh tế xã hội gắn liền với hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại – dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương và bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức quản lý sản xuất và xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

- Từ năm 2020 trở đi chỉ nâng cao chất lượng các tiêu chí.

2. Mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn:

2.1. Các tiêu chí đến năm 2013 đã đạt: sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng 11 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí số 1: Quy hoạch;

- Tiêu chí số 2: Giao thông;

- Tiêu chí số 7: Chợ nông thôn;

- Tiêu chí số 8: Bưu điện;

- Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư;

- Tiêu chí số 10: Thu nhập;

- Tiêu chí số 12: Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên;

- Tiêu chí số 13: Hình thức tổ chức sản xuất;

- Tiêu chí số 14: Giáo dục.

- Tiêu chí số 18: Hệ thống tổ chức Chính trị - Xã hội;

- Tiêu chí số 19: An ninh - Trật tự xã hội.

2.2. Kế hoạch thực hiện đến cuối năm 2014: đạt thêm 01 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí số 16: Văn hóa;

2.3. Kế hoạch thực hiện đến năm 2015: đạt thêm 03 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí số 4: Điện;

- Tiêu chí số 11: Hộ nghèo;

- Tiêu chí số 15: Y tế;

2.4. Kế hoạch thực hiện đến năm 2016: đạt thêm 01 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí số 5: Trường học;

2.6. Kế hoạch thực hiện đến năm 2019: đạt thêm 02 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí số 3: Thủy lợi;

- Tiêu chí số 17: Môi trường.

2.7. Kế hoạch thực hiện đến năm 2020: đạt thêm 01 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hoá;

2.8. Kế hoạch thực hiện sau năm 2020: Chỉ nâng cao chất lượng các tiêu chí.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ: *Chỉ tiêu chủ yếu xây dựng nông thôn mới:*

1. Quy hoạch nông thôn mới: (tiêu chí số 1):

- Thực hiện theo 3 loại quy hoạch và khi cần thiết thì lập quy hoạch chi tiết theo từng dự án, công trình cụ thể.

+ Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.

+ Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới.

+ Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

- Đã hoàn thành Quy hoạch xây dựng nông thôn mới trong năm 2012, chỉ bổ sung hoàn thiện thêm các quy hoạch chi tiết ngành, lĩnh vực.

** Kinh phí thực hiện: 0,5 tỉ đồng.*

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

2.1. **Giao thông: (tiêu chí số 2):** Đã đạt tiêu chí trong năm 2012, chỉ nâng cao chất lượng tiêu chí.

a) Mục tiêu:

- Xây dựng hệ thống giao thông nông thôn tương đối hiện đại, chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản, là tiền đề hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn; góp phần giảm khoảng cách chênh lệch về kinh tế cũng như trình độ dân trí giữa nông thôn và thành thị. Kiên cố hoá đường giao thông nông thôn sẽ thúc đẩy kinh tế xã phát triển, tạo diện mạo mới cho nông thôn. Khi kinh tế phát triển và tạo ra giá trị hàng hóa lớn, người dân có thu nhập cao thì cơ sở hạ tầng nông thôn, trong đó có giao thông nông thôn tiếp tục được củng cố, nâng cấp.

- Tập trung phát triển đồng bộ và bền vững mạng lưới giao thông của xã, bảo đảm:

+ Đường trục nối giữa các xóm được bê tông hóa đạt chuẩn kỹ thuật, đường ngõ xóm cứng hóa đúng tiêu chuẩn.

+ Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.

b) Nội dung thực hiện:

TT	Nội dung	Năm thực hiện	Khối lượng thực hiện (km)	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Trong đó				
					Nguồn vốn từ NS	Doanh Nghiệp	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
I	Bê tông đường liên xóm		12,80	10.803	7.493	-	2.160	-	1.303
1	- Đường từ nhà Hải đến cầu Hà Tài (ĐL).	2013	0,35	280	196		56		28

	- Đường từ chợ Lục Lễ đến Gò Chùa (LL).		0,5	400	280		80		40
	- Đường Trạm điện L.Chánh đến vườn Diêu (LC).		0,6	510	357		102		51
	- Đường từ gò ông Quân đến nhà Cảnh (LC).		0,4	320	224		64		32
	- Đường từ ngã ba Gò Vàng đến nhà Mai (GN).		0,9	810	567		162		81
	- Đường từ cống kênh N6 (DH42) đến nhà Quỳnh (GN)		0,083	75	52,5		15		7,5
2	- Ngã ba chùa Trường Giác đến nhà Đông (GB).	2014	0,45	382	267,4		76,4		38,2
	- Đường từ Trường TH số 1 đến cầu Đội 10 (LL)		0,4	320	224		64		32
	- Đường nhà Danh đến trần Gò Sau (TL)		0,4	320	224		64		32
	-Đường từ vũng thầy Năm đến nhà Lễ (GN).		0,35	280	196		56		28
3	- Đường từ nhà Thành đến cầu Đình (XM);	2015	1	900	560		180		90
	- Đường từ cầu Hà Tài đến nhà Nghĩa (ĐL).		0,7	560	392		112		56
	- Đường từ chùa Trường Giác đến nhà Tánh. (GB).		1	900	630		180		90
	- Ngã ba thôn cũ đến trường TH Tú Thủy (TT)		0,25	200	140		40		20
4	- Đường từ Nhà đến nhà Thám (LC).	2016	0,5	450	315		90		45
	- Đường từ Lũ Đám Giông đến kênh N ₁₄ (TL).		0,32	256	180		50,4		25,6
	- Đường từ nhà Bồng đến nhà Đông (LL).		0,4	320	224		64		32
	- Đình Tú Thủy đến kênh N ₁₄ .		0,5	450	315		90		45
	- Đường từ Trạm điện Đội 6 Tuấn Lễ đến nhà Thành (TL)		0,6	480	336		96		48
5	- Đường ngõ nhà Mai đến nhà Lân (GN).	2017	0,4	320	224		64		32

	- Đường từ cầu Thiên Địa đến nhà Xuân (LC).		0,7	560	392		112		56
	- Đường từ lớp Mẫu giáo Đội 9 đến nhà Đức (LL).		0,4	340	238		68		34
	- Đường từ nhà Sơn đến gò Kiếm (GN).		0,2	160	112		32		16
	- Đường từ nhà Thăng đến nhà Phước (GB)		0,9	810	567		162		81
6	- Đường từ Đình Tuân Lễ đến nhà Bích (TL).	2018	0,3	240	168		48		247
	- Đường từ trụ sở thôn mới đến nhà Nguyệt (TT)		0,2	160	112		32		16
II	Cứng hóa các đường ngõ xóm còn lại	2018	17,49	3.498	3.000			498	
III	Cứng hóa đường nội đồng		10,6	5.300	4.770	-	530	-	-
1	Đường từ cầu Đình Xuân Mỹ đến Đình Tú Thủy (TT)	2016	1,5	750	675		75		
2	Đường từ nhà Hứa đến nhà Cầu Đuôi Bàu (Lc)		1,2	600	540		60		
3	Đường từ cầu Đội 10 (GB) đến nhà Chín đội 5 Tuân Lễ	2017	1,2	600	540		60		
4	Đường từ nhà Trần (GN) đến đường nội đồng đội 3		1,5	750	675		75		
5	Đường từ nhà Văn Công Liễn đến kênh N6 (GB)		1,5	750	675		75		
6	Đường từ kho xăng đến kênh N6 (GB)	2018	1,5	750	675		75		
7	Đường từ TH số 1 đến nhà Lợi (GB)		1,2	600	540		60		
8	Từ cống nhà Chung đến nhà Hứa (ĐL)		1,0	500	450		50		
	Tổng cộng		40,9	19.601	15.263	-	2.690	498	1.303

* Tổng kinh phí thực hiện đầu tư 19,601 tỷ đồng.

2.2. Thủy lợi: (tiêu chí số 3)

a) Mục tiêu: Hệ thống các công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh, cụ thể: Trong điều kiện bình thường, hệ thống thủy lợi đảm bảo đủ nước tưới đến đồng ruộng, nguồn nước không bị ô nhiễm. Đảm bảo tiêu thoát nước cho sản xuất nông nghiệp. Cải tạo kênh mương kết hợp phục vụ giao thông nông thôn.

b) Nội dung thực hiện:

T	Hạng mục đầu tư	Năm thực hiện	Khối lượng (km)	Tổng vốn	Nguồn vốn (triệu đồng)				
					Nguồn vốn từ NS	Doanh nghiệp	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
I	KÊNH MƯƠNG								
1	-Tuyến mương từ nhà ông Lưu đến hầm ông Đông (TL).	2015	0,9	810	567	162	81		
	-Tuyến từ kênh N6 đến cầu nhà Mỹ (GB).		1,515	1.363	954,1	272	136		
	-Tuyến từ kênh N2-1 đến bờ Sậy		1,446	1.300	910	260	130		
2	-Tuyến mương xuân viên (LC).	2016	0,515	412	288,4	82,4	41,2		
	- Tuyến từ cầu nhà bà Mỹ đến Cây me đội 1 (GN).		1,045	940	658	188	94		
	- Từ kênh 1-4 đến cầu Đắc Kỳ (TT).		0,756	680	476	136	68		
	- Mương tưới tiêu An Trung (ĐL).		0,455	390	273	78	39		
- Từ cầu Đắc Kỳ đến đám Võ Sự (TT).	1,070	910	637	182	91				
3	-Tuyến từ kênh N8 đến bờ Thăng (XM).	2017	1,050	860	602	172	86		
	-Tuyến từ cống điều tiết N6 đến cầu sông Tranh (GN).		1,016	860	602	172	86		
	- Tuyến từ nhà ông Đạt đến Thịn 5/7 (LL) dài 600m.		0,6	480	336	96	48		
4	-Tuyến từ kênh N6 đến mương đá Tổ 1 (GN).	2018	0,84	714	499,8	142,8	71,4		
	-Tuyến từ kênh N6 đến nhà Thành (GB).		0,83	705	493,5	141	70,5		
	-Tuyến từ kênh N1-2 đến đám Tân (GB).		0,475	403	282,1	80,6	40,3		
5	- Tuyến kênh N6 đến ngã ba Tân (GN).	2019	0,915	777	543,9	155,4	77,7		
	- Tuyến từ chùa đến đám Đình (GB) dài 620m;		0,62	527	368,9	105,4	52,7		
	- Tuyến từ bi chùa đến đám Chinh (TL).		0,62	527	368,9	105,4	52,7		
	- Tuyến từ N6 đến bầu Ngự (GB) dài 420m.		0,42	357	249,9	71,4	35,7		
Cộng I			15,086	13.01	9.110,5	2.603	1.30		
II	ĐÊ SÔNG								
1	Áp trực xây dựng đê sông	2015	0,5	3.000	3.000				
2	Áp trực xây dựng đê sông	2016	0,5	3.000	3.000				
3	Áp trực xây dựng đê sông	2017	0,5	3.000	3.000				
4	Áp trực xây dựng đê sông	2018	0,5	3.000	3.000				
5	Áp trực xây dựng đê sông	2019	0,5	3.000	3.000				
6	Áp trực xây dựng đê sông	2020	0,5	3.000	3.000				
Cộng II			3	18.00	18.000				
Tổng cộng I, II				31.01	27.110	2.603	1.30		

* Tổng kinh phí thực hiện đầu tư 31,015 tỷ đồng.

2.3 Điện: (tiêu chí số 4)

a) Mục tiêu:

Duy trì hệ thống lưới điện hiện nay, đảm bảo điện áp ổn định phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Tùy theo nhu cầu tiêu thụ điện năng phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt sẽ có phương án, kế hoạch nâng cấp và cải tạo lưới điện cho phù hợp.

Dự kiến kinh phí đầu tư: 8 tỷ đồng, do doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư.

b) Nội dung thực hiện:

T T	Hạng mục đầu tư	Năm thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng vốn (Tr. đ)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
							Nguồn gốc từ NS	Doanh nghiệp	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
1	Làm mới trạm biến áp	2013	Trạm	2	1.000	2.000		2.000			
2	Cải tạo trạm biến áp	2015	Trạm	5	300	1.000		1.000			
3	Làm mới đường dây trung, cao thế	2014	Km	10	500	5.000		5.000			
Tổng số						8.000		8.000			

2.4. Trường học: (tiêu chí số 5)

a) Mục tiêu:

- Kiên cố hóa trường lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học, thực hiện đúng phương châm “học đi đôi với hành”. Cụ thể như sau:

- Xây dựng trường mầm non, nhà trẻ nhằm đáp ứng 100% trẻ được đến trường với sự đảm bảo 100% trẻ an toàn về thể chất và tinh thần, không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm, 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ.

b) Nội dung thực hiện:

Căn cứ vào hiện trạng cơ sở vật chất hệ thống trường học ở Phước Hiệp, căn cứ nhu cầu trường lớp đối với từng cấp, trong thời gian tới sẽ đầu tư xây dựng các công trình giáo dục sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Năm thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Tổng vốn (Triệu đ)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
						Nguồn vốn từ NS	Doanh nghiệp	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
1	Nâng cấp, xây dựng nhà trẻ, mầm non									
1.1	Cụm 1 (Đại Lễ, Luật Chánh)	2014	Phòng	4	1.600	1.600				
1.2	Cụm 2 (Tú Thủy, Lục Lễ)	2014	Phòng	4	1.600	1.600				
1.3	Cụm 3 (Giang Nam, Xuân Mỹ, Giang Bắc)	2014	Phòng	6	2.400	2.400				
2	Trường Tiểu học									
2.1	Tiểu học số 1									
	Xây tường rào công ngõ.	2013	m	100	350	350				
	Xây phòng mới	2014	Phòng	03	1.200	1.200				
2.2	Tiểu học số 2									
	Xây tường rào công ngõ.	2015	m	80	280	280				
	Xây phòng mới	2015	Phòng	09	3.600	3.600				
2.3	Tiểu học số 3									

	Xây phòng mới	2016	Phòng	03	1.200	1.200				
3	Trường THCS									
3.1	Xây dựng tường rào công ngõ	2015	m	150	525	525				
3.2	Xây phòng mới	2016	Phòng	9	3.600	3.600				
	Tổng cộng				16.355	16.35				

** Tổng kinh phí đầu tư xây dựng 16,355 tỷ đồng.*

2.5. Cơ sở vật chất văn hoá: (tiêu chí số 6)

a) Mục tiêu:

- Xây dựng mới hội trường kết hợp nhà văn hóa của xã với diện tích 3.236,49m², có 5 phòng chức năng đúng theo tiêu chuẩn, đầy đủ trang thiết bị dùng để hội họp, tổ chức sinh hoạt văn hóa văn nghệ; xây dựng mới trụ sở kết hợp nhà văn hóa 04 thôn (Luật Chánh, Lục Lễ, Tuấn Lễ, Xuân Mỹ) vừa để đảm bảo nơi làm việc cho cán bộ dân quân chính thôn, vừa là nơi sinh hoạt, hội họp, tuyên truyền phổ biến pháp luật, tổ chức văn hóa văn nghệ trên địa bàn thôn.

- Xây dựng sân bóng đá tại khu trung tâm xã với diện tích 12.955,81m².

- Quy hoạch lại và xây dựng 8 khu thể thao trên địa bàn 8 thôn.

b) Nội dung thực hiện:

TT	Hạng mục đầu tư	Năm thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng vốn (tỷ.đ)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
							Nguồn vốn từ NS	DN	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
1	Xây dựng mới 02 trụ sở thôn Luật Chánh, Xuân Mỹ, diện tích mỗi trụ sở thôn 60m ²	2013	Trụ sở	2	400	800	800				
2	Xây dựng mới 02 trụ sở thôn Tuấn Lễ, Lục Lễ, diện tích mỗi trụ sở thôn 60m ²	2014	Trụ sở	2	400	800	800				
3	Xây dựng Hội trường kết hợp nhà văn hóa xã	2018	Hội trường	1	4.00	4.000	4.000				
4	Xây 01 khu thể thao tại khu trung tâm xã	2019	Khu TT	1	3.00	3.000	2.100			600	300
5	Xây dựng khu thể thao 8 thôn trên địa bàn xã	2020	Khu TT	8	500	4.000	2.800			800	400
	Tổng cộng					12.6	10.50			1.400	700

** Tổng đầu tư kinh phí 12,6 tỷ đồng.*

Handwritten signature

2.6. Chợ nông thôn: (tiêu chí số 7) Đã đạt tiêu chí về chợ nông thôn trong năm 2012, chỉ nâng cao chất lượng tiêu chí.

a) Mục tiêu:

Xây dựng chợ đạt chuẩn chợ nông thôn loại 3 nhằm đáp ứng nhu cầu buôn bán của các hộ tiểu thương với các mặt hàng chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân; và là nơi tiêu thụ các mặt hàng nông sản của địa phương với yêu cầu khang trang, sạch đẹp đảm bảo vệ sinh môi trường. Để đáp ứng nhu cầu trên cần nâng cấp, sửa chữa lại cơ sở vật chất của các chợ trên địa bàn cụ thể:

- + Mở rộng chợ Lục Lễ (0,10ha) đạt chuẩn, nâng cấp 20 ki ốt.
- + Nâng cấp các lều chợ Tỉnh Giang, thôn Giang Bắc.
- + Nâng cấp các lều chợ và hệ thống thoát nước chợ Đại Chánh.

Việc nâng cấp các chợ trên địa bàn xã ngoài vốn hỗ trợ của nhà nước thì các hộ kinh doanh mua bàn cố định trong các lều chợ, các ki ốt phải đóng góp phần lớn kinh phí. UBND xã sẽ có chủ trương cho thuê dài hạn cho các hộ đã góp vốn nhằm bù đắp một phần kinh phí đã đóng góp.

b) Nội dung thực hiện:

TT	Hạng mục đầu tư	Năm thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Tổng vốn (Tr đ)	Nguồn vốn (Triệu đồng)				
						Nguồn vốn từ NS	DN	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
1	Nâng cấp các lều chợ Tỉnh Giang, thôn Giang Bắc	2016	m ²	200	200	140			40	20
2	Nâng cấp các lều chợ Đại Chánh	2017	m ²	200	200	140			40	20
3	Xây dựng hệ thống thoát nước chợ Đại Chánh		m	100	50	50				
4	Nâng cấp 20 ki ốt chợ Lục Lễ thôn Lục Lễ	2018	Ki ốt	20	1.000				1.000	
Tổng cộng					1.450	330			1.080	40

* Tổng kinh phí đầu tư 1,45 tỷ đồng

2.7. Bưu điện: (tiêu chí số 8) Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

a) Mục tiêu: Xây mới bưu điện trung tâm xã trở thành trung tâm phục vụ bưu chính gắn với các điểm truy cập dịch vụ internet ở mỗi thôn tạo điều kiện để nhân dân mở mang kiến thức và phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường đưa công nghệ thông tin về đến các thôn trong xã thông qua đầu tư máy truy cập Internet tốc độ cao. Kinh phí thực hiện do Doanh nghiệp viễn thông bỏ vốn đầu tư.

b) Nội dung thực hiện:

TT	Hạng mục đầu tư	Năm thực hiện	Tổng vốn (Tr đ)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
				Nguồn vốn từ NS	Doanh nghiệp	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
1	Nâng cấp 01 Bưu điện văn hoá ở trung tâm xã tại thôn Giang Bắc	2014	1.000		1.000			
2	Phủ kín mạng internet 06 thôn còn lại	2015	1.200		1.200			
Tổng cộng			2.200		2.200			

*** Tổng vốn đầu tư 2,2 tỷ đồng.**

2.8. Nhà ở dân cư: (tiêu chí số 9) Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

a) Mục tiêu:

- Duy trì và chỉnh trang cho phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt của cộng đồng dân cư nhất là nước thải, rác thải sinh hoạt, công trình vệ sinh, bảo vệ nguồn nước và môi trường sinh thái.

- Bố trí các điểm xây dựng khu dân cư mới đảm bảo nhu cầu đất ở cho nhân dân. Diện tích quy hoạch đất ở mới là 11,52 ha.

- Có kế hoạch xây dựng mới và tu sửa nhà ở thuộc hiện chính sách, hộ nghèo bằng các hình thức vận động doanh nghiệp, xã hội hóa...

b) Nội dung thực hiện:

TT	Chỉ tiêu	Năm thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Tổng vốn (tỷ đ)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
						Nguồn vốn từ NS	Doanh nghiệp	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
1	Xây dựng mới	2014	Nhà	6	300	105		105	90	
1.1	Số hộ chính sách		Nhà	02	100	80		20		
1.2	Số hộ nghèo		Nhà	04	200	25		85	90	
2	Chỉnh trang		Nhà	10	88	60			28	
2.1	Số hộ chính sách		Nhà	3	60	60				
2.2	Số hộ nghèo		Nhà	7	28				28	
	Tổng số			Nhà	16	388	165		105	118

*** Tổng vốn đầu tư 0,388 tỷ đồng.**

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất:

3.1. Thu nhập: (tiêu chí số 10) Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

a) Mục tiêu: Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 là 23 triệu đồng/người/năm và đến năm 2020 là 40 triệu đồng/người/năm.

b) Nội dung thực hiện:

Căn cứ lợi thế về tài nguyên đất đai, điều kiện sinh thái, điều kiện kinh tế xã hội và trình độ thâm canh..., Đảng ủy, HĐND, UBND xã xác định nhiệm vụ trọng tâm: tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch chuyển đổi mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, đa dạng cây trồng vật nuôi, tạo công ăn việc làm có cơ cấu lao động hợp lý, nâng cao thu nhập theo mục tiêu đề án là phải xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp bền vững:

*** Phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp:**

*** Trồng trọt:**

- Chuyển dịch phát triển kinh tế nông nghiệp sản xuất hàng hóa, phát triển vùng sản xuất tập trung cho cây lúa, cây màu với các mô hình:

+ Mô hình "Cánh đồng mẫu lớn" cho cây lúa 40 ha (Trong đó 10 ha sản xuất giống) tại thôn Tú Thủy.

- + Mô hình sản xuất trồng khô qua, hoa huệ 1,25 ha trên địa bàn thôn Đại Lễ.
- + Mô hình dung chế phẩm Metazium để quản lý rầy nâu trên cây lúa 2 ha tại thôn Lục Lễ.
- + HTXNN khảo nghiệm giống lúa TBR117, TBR228 1ha tại thôn Giang Bắc.
- + Quy hoạch vùng sản xuất cây ngô lai tại thôn Lục Lễ với diện tích 40ha.
- + Tiếp tục nâng cao hiệu quả mô hình sản xuất rau an toàn tập trung theo chương trình VietGap tại thôn Luật Chánh và Đại Lễ với diện tích 4ha; vùng sản xuất rau an toàn hộ gia đình tại thôn Tú Thủy.

** Chăn nuôi:*

- Để tạo sự bức phá cao hơn về giá trị, có khả năng thích nghi với nhiều vùng sinh thái, điều kiện thời tiết, khai thác được lợi thế về đất đai, rất dễ huy động vốn trong dân, có lực lượng lao động dồi dào, tạo thu nhập cho nông hộ, cho nên địa phương xác định tập trung phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng hàng hóa bền vững trong đó 02 đối tượng được xác định là bò và lợn.

- Xây dựng mô hình chăn nuôi heo bò kết hợp khí sinh học Biogas, tổ chức tập huấn khuyến khích nông dân tham gia môi trường trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trong năm 2013 đã xây dựng được 11 hầm Biogas và đăng ký thực hiện xây dựng trong năm 2013 9 hộ. Nhằm hạn chế việc ô nhiễm môi trường, nguồn nước sinh hoạt, tiết kiệm chi phí, hướng tới mở rộng mô hình chăn nuôi trang trại, gia trại có kiểm soát của thú y xã.

- Chương trình cải tạo đàn bò: xây dựng mô hình nâng cao chất lượng nái sinh sản các hộ áp dụng khoa học tiên tiến trong lai tạo đàn bò quy mô 50 nái, hỗ trợ theo chương trình khuyến nông là 30% và nông dân 70%, thời gian mô hình 9 tháng.

- Xây dựng mô hình nuôi heo sinh sản, nâng cao chất lượng đàn 16 con, 8 hộ tham gia, hỗ trợ theo chương trình khuyến nông là 30% và nông dân 70%. Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất mô hình nuôi heo sinh sản 75 triệu đồng.

** Trồng rừng:*

Diện tích đất lâm nghiệp tại xã là đất trồng rừng sản xuất ở thôn Xuân Mỹ và Giang Nam với diện tích 29,3ha. Địa phương tiếp tục quy hoạch số diện tích trồng rừng còn lại 41,53ha, nhằm thực hiện chủ trương phủ xanh đất trống đồi nước trọc, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Mỗi năm dự kiến trồng khoán 5ha thời gian bắt đầu thực hiện từ quý 4/2013.

** Phát triển các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ:*

- Tập trung cao độ mọi khả năng, nguồn lực để phát triển Dịch vụ, công nghiệp – TTCN, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành xây dựng. Dự kiến trong giai đoạn 2011 – 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành đạt trên 11-12%/năm, giai đoạn 2016 – 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành đạt 13-15%/năm, đồng thời tăng tỷ trọng các ngành thương mại – dịch vụ lên 65% vào năm 2020.

- Thúc đẩy phát triển các loại hình thương mại dịch vụ, tăng cường quản lý tình hình buôn bán tại khu vực chợ. Quan tâm, khuyến khích tạo điều kiện các doanh nghiệp phát triển đầu tư cơ sở sản xuất trên địa bàn.

- Củng cố và phát triển HTXNN Phước Hiệp hoạt động theo hướng đa dạng hóa trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ, kêu gọi và khuyến khích các nhà đầu tư (chủ trang trại, doanh nghiệp) đầu tư vào các lĩnh vực mới, các mô hình nông nghiệp hiện đại; hình thức gia trại và từng bước nâng cấp thành kinh tế trang trại.

- Đối với khu công nghiệp thì trên địa bàn xã Phước Hiệp không có điều kiện phù hợp để quy hoạch các khu công nghiệp do vị trí xã không nằm trên trục đường Quốc lộ, không gần các khu sản xuất chính, khu nguồn nguyên liệu.

*** Tổng nhu cầu vốn Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập: 2,564 tỷ đồng.**

TT	Hạng mục đầu tư	Năm thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Tổng vốn (tr. đ)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
						Nguồn vốn từ NS	Doanh nghiệp	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
I	Tập huấn kỹ thuật đào tạo nghề				370	245				125
1	Tập huấn kỹ thuật cho nông dân tham gia các mô hình sản xuất	2013-2020	L/ người	2.400	120	120				
2	Hỗ trợ các dự án dạy nghề (chăn nuôi thú y, may mặc,...)	2013-2020	Người	2.500	250	125				125
II	Chuyên giao KHKT&CN				2.194	696	178	540		780
1	Hỗ trợ hoạt động Câu lạc bộ KN (CLB giống, chăn nuôi)	2013-2020	Cơ sở	2	180	80		100		
2	Hỗ trợ nông dân tiếp thu ứng dụng tiến bộ KHKT				1.414	436	178	320		480
2.1	Hỗ trợ giống, thuốc BVTV cho nông dân trồng lúa	2013-2020	ha	971	544	436	108			
2.2	Hỗ trợ giống, thuốc BVTV cho khu SX giống	2013-2020	ha	10	70		70			
2.3	Hỗ trợ giống, thuốc BVTV cho nông dân trồng rau	2013-2020	ha	4	800			320		480
3	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật	2013-2020	MH	1	600	180		120		300
Cộng I, II					2.564	941	178	540		905

3.2. Giảm nghèo và an sinh xã hội: (tiêu chí số 11)

a) Mục tiêu: Phân đầu đến năm 2015 đạt tiêu chí hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của xã còn 5%.

b) Nội dung thực hiện:

Tổ chức thực hiện: Ban Quản lý xã và Ban Phát triển thôn chịu trách nhiệm trực tiếp theo dõi, chỉ đạo cùng hộ gia đình tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí.

* Giải pháp giảm nghèo bền vững:

Để thực hiện theo Nghị quyết Đảng bộ xã hàng năm giảm 1% tỷ lệ hộ nghèo. Chính quyền địa phương cần phải thực hiện các giải pháp sau:

- Phối hợp với các trung tâm dạy nghề mở các lớp tập huấn kỹ thuật nông nghiệp (mô hình cây khổ qua, nấm rơm, hoa huệ, rau an toàn VietGap...).
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng và sửa chữa nhà ở đơn sơ cho hộ nghèo.
- Tạo điều kiện giới thiệu việc làm cho các đối tượng đã được đào tạo nghề vào làm việc các khu công nghiệp, nhằm tăng thu nhập và tiến đến thoát nghèo.

* **Kinh phí thực hiện: 320 triệu đồng.**

3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: (tiêu chí số 12). Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

3.4. Hình thức tổ chức sản xuất: (tiêu chí số 13). Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

Trên cơ sở các hình thức tổ chức hiện có như: HTX dịch vụ nông nghiệp, Quỹ tín dụng nhân dân, kinh tế hộ đang hoạt động có hiệu quả cần có chính sách khuyến khích đầu tư và tiếp cận vốn vay ưu đãi để nhân rộng các mô hình sản xuất. Tổ chức liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ các loại nông sản hàng hóa giữa hộ sản xuất, hợp tác xã với các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn, trong và ngoài tỉnh.

* **Dự kiến kinh phí hỗ trợ: 240 triệu đồng.**

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn: (tiêu chí số 14) Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

a) *Mục tiêu:*

Đảm bảo 100% trẻ trong độ tuổi đi học được đến trường, tiếp tục thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học cơ sở. Nâng cao tỷ lệ học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi đạt ít nhất 20%, học sinh tiên tiến đạt ít nhất 50%. Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực môn loại yếu không quá 5%. Hiệu quả đào tạo (tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học sau 5 năm học) đạt 100%.

b) *Nội dung thực hiện:*

Nhằm đảm bảo cho công tác giáo dục đạt những yêu cầu trên cần đầu tư hỗ trợ các khoản sau:

- Hỗ trợ cho giáo viên đạt thành tích cao trong công tác giảng dạy.
- Hỗ trợ cho học sinh nghèo vượt khó học giỏi, học sinh nghèo có nguy cơ bỏ học.

- Hỗ trợ khen thưởng cho học sinh đạt thành tích cao trong năm học.

* **Tổng kinh phí đầu tư hỗ trợ: 300 triệu đồng.**

* *Về đào tạo:*

- Có chính sách thu hút và đãi ngộ để định hướng lao động trẻ học các ngành, nghề về phục vụ và cống hiến cho địa phương;

- Xây dựng đề án đào tạo nghề cho nông dân để chuyển lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp;

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức xây dựng và phát triển nông thôn cho cán bộ đảng, HĐND, chính quyền, đoàn thể cấp xã, thôn;

- Đào tạo, tập huấn kiến thức về kỹ thuật, tổ chức sản xuất, thị trường cho nông dân, cán bộ HTX, chủ trang trại, gia trại nhằm nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 40%.

** Đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.*

Để dịch chuyển và cơ cấu lao động một cách hợp lý. Công tác đào tạo, hướng nghiệp nghề cho người lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phải đi trước một bước.

- Thực hiện đề án đào tạo nghề và tạo việc làm để nâng cao thu nhập, đào tạo nghề cho 150 lao động/năm;

- Kinh phí 2,4 tỷ đồng/8 năm (học phí đào tạo nghề tạm tính 2 triệu đồng/người/năm); nguồn vốn do doanh nghiệp, người lao động và một phần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

** Kinh phí ước thực hiện: 2,7 tỷ đồng.*

4.2. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng: (tiêu chí số 15)

a) *Mục tiêu:* Phân đầu đến năm 2015, vận động người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt trên 80%; Duy trì chuẩn quốc gia về Y tế.

b) *Nội dung thực hiện:*

T T	Chỉ tiêu	Năm thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (tr.đ)	Tổng vốn (Tr. đ)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
							Nguồn vốn từ NS	DN	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
I	Nâng cấp cải tạo										
1	Cải tạo, nâng cấp các phòng chức năng Trạm y tế	2019	Phòng	3	350	1.050	1.05				
2	Nâng cấp mặt bằng Trạm y tế	2020	m ²	974		200	200				
II	Công tác khám chữa bệnh	2013 - 2020			25/ năm	200	200				
Cộng I, II						1.450	1.45				

** Kinh phí thực hiện khái toán: 1,45 tỉ đồng.*

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh ở nông thôn: (tiêu chí số 16).

a) *Mục tiêu:* Năm 2014, phân đầu đạt thêm 01 thôn văn hóa để đủ chỉ tiêu đạt tiêu chí số 16. Đến năm 2020 có 8/8 thôn đạt thôn văn hóa.

b) *Nội dung thực hiện:*

Để nâng cao về mặt đời sống tinh thần, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Cần đầu tư mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho nhà văn hóa ở cơ sở đúng theo tiêu chuẩn quy định. Kinh phí dự kiến: 320 triệu

Xây dựng 08 công làng văn hóa theo đúng quy định: 1.200 triệu đồng.

*** Tổng kinh phí đầu tư 1,52 tỷ đồng.**

* Tổ chức thực hiện: Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn chịu trách nhiệm trực tiếp theo dõi, chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí.

4.4. Môi trường: (tiêu chí số 17)

a) Mục tiêu: Phân đấu đến năm 2019 đạt tiêu chí về môi trường.

b) Nội dung thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu:

*** Cấp nước sinh hoạt:**

- Duy trì tốt các hệ cấp nước hiện nay, đồng thời vận động nhân dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh phân đấu đưa tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn VN 02/2009/BYT đạt trên 90%. Để đạt tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh trên 90%, UBND xã đã có kế hoạch với (Nhà máy nước Tuy Phước để cung cấp nước sạch cho hộ dân trong xã).

- Hiện tại đã có 6/8 thôn trên địa bàn xã đã có hệ thống cấp nước sinh hoạt. Trong thời gian đến sẽ quy hoạch hệ thống cấp nước cho thôn Đại Lễ và Luật Chánh đi theo trục giao thông dẫn nước về khu dân cư.

*** Chất thải rắn:**

- Dự kiến khối lượng chất thải rắn (CTR):

+ Chỉ tiêu thải CTR: 0,8kg/người/ngày.

+ Tỷ lệ thu gom CTR: 50%.

Với quy mô dân số hiện nay là 15.769 người, vậy dự kiến khối lượng CTR được thu gom: $15.769 \text{ người} \times 0,8\text{kg/người/ngày} = 12,61 \text{ tấn/ngày} = 4.599 \text{ tấn/năm}$. Trong đó: Thu gom 50% và 50% rác thải nhân dân tự chôn lấp.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Quy hoạch điểm tập kết rác thải tại 35 điểm/35 xóm.

+ Xây dựng nhà xí hợp vệ sinh, không xả phân trực tiếp xuống sông, ao, hồ.

+ Chuồng trại chăn nuôi gia súc phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và có cây xanh che chắn. Phân, nước tiểu từ chuồng chăn nuôi hoặc trại chăn nuôi phải được thu gom và có giải pháp xử lý phù hợp (xây dựng hố Bioga, chôn lấp hoặc ủ kín).

+ Chất thải rắn từ hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và xử lý.

+ Chất hữu cơ: Dùng cho chăn nuôi gia súc, xử lý bằng cách chôn lấp cùng phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho nông nghiệp.

+ Chất thải vô cơ: Xử lý tập trung (tái chế, chôn lấp...).

+ Rác thải sinh hoạt được đưa tới bãi rác qua mạng lưới dịch vụ thu gom.

Không tổ chức bãi rác trong khu quy hoạch.

*** Thoát nước thải:**

- Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước và nước thải sinh hoạt.

- Cần tận dụng các ao hồ, sông để thoát nước, nước thải đã xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối với hệ thống thoát nước mưa để thoát nước.

* Vệ sinh môi trường: Khu trung tâm xã bố trí thùng đựng rác thải, khu dân cư tự thu gom rác thải sinh hoạt ra các bãi tập kết và có xe thu gom hàng ngày hoặc hàng tuần. Khu vực các thôn xử lý rác mang tính chất phân tán có thể chôn lấp, đốt. Trong giai đoạn quy hoạch sẽ quy hoạch thêm 01 bãi trung chuyển rác thải tại thôn Giang Bắc với quy mô diện tích 0,2ha.

* Nghĩa trang: Quy hoạch một số nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã tại các vị trí như sau: Đám Gò Đình thôn Tuân Lễ 0,07ha; Gò Cũ thôn Lục Lễ 0,01ha; Gò Thiên Địa thôn Luật Chánh 0,25ha; khu vực gần nghĩa trang liệt sĩ (thôn Xuân Mỹ) 5ha. Riêng khu vực nghĩa trang Xuân Mỹ thì kinh phí đầu tư với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm (nhà nước 50% và nhân dân 50%).

TT	Hạng mục đầu tư	Năm thực hiện	ĐVT	Khối lượng	Tổng kinh phí (Tr. đ)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
						Nguồn vốn từ NS	Doanh nghiệp	Dân góp	XH hóa	Nguồn khác
I	Nước sinh hoạt									
1	Tuyến từ nhà thờ Lục Lễ đến cầu Đại Lễ dài 1.900m	2016	m	1.900	500		500			
2	Tuyến từ Trụ sở thôn Luật Chánh đến chùa Bảo Thọ dài 1.600m	2017	m	1.600	450		450			
II	Xử lý rác thải									
1	Thu gom rác thải	2013-2020	Tấn	18.400	920	920				
2	Xây dựng công trình khí sinh học Bioga	2013-2020	hố	615	6.150	738		5.412		
3	Xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh	2013-2020	nhà	816	8.160	816		7.344		
4	Quy hoạch khu nghĩa trang nhân dân	2017	ha	5,33	3.198	1.599		1.599		
Tổng cộng					19.378	4.073	950	14.355		

* **Tổng kinh phí đầu tư: 19,378 tỷ đồng.**

4.5. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn: (tiêu chí số 18). Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 chỉ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

a. **Xây dựng Đảng:**

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, đặc biệt là đổi mới về công tác tư tưởng, công tác cán bộ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Quán triệt sâu rộng các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, Đảng viên và nhân dân;

- Tôn trọng và phát huy trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, phong cách và lề lối làm việc, xây dựng và thực hiện nghiêm túc chế độ làm việc theo chương trình kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với MTTQ và các đoàn thể.

- Xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân; định kỳ hàng quý hoặc khi cần thiết làm việc để nghe báo cáo về kết quả, định hướng hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội.

b. Xây dựng chính quyền:

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành hoạt động của chính quyền.

- HĐND thực hiện tốt chức năng quyết định và giám sát; quyết định giám sát đúng nhiệm vụ phát triển KT-XH của địa phương đồng thời đôn đốc và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND cũng như giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước trên địa bàn toàn xã.

- UBND thực hiện nghiêm cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, quản lý Nhà nước, điều hành thực hiện nhiệm vụ; sâu sát cơ sở, phân công cán bộ và xác định rõ từng vị trí công tác để phục vụ tốt nhất cho người dân, chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, tận tụy phục vụ nhân dân.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ công chức; kịp thời luân chuyển thay thế những cán bộ công chức chưa hoàn thành nhiệm vụ, lựa chọn sử dụng cán bộ có phẩm chất chính trị tốt, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tiễn.

- củng cố, kiện toàn lực lượng công an xã bảo đảm đủ mạnh để hoàn thành tốt nhiệm vụ; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

- Tiếp tục củng cố, xây dựng quốc phòng địa phương, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện tốt quy chế hoạt động của UBND và quy chế phối hợp công tác giữa HĐND-UBND-UB MTTQ.

c. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể:

- Đổi mới phương thức và nội dung hoạt động. Quan tâm tốt đến nội dung sinh hoạt ở các chi, tổ hội, đa dạng hoá các hình thức tập hợp đoàn viên, hội viên;

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động để mọi người dân hiểu về xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao trách nhiệm, ý thức cộng đồng quyền lợi và nghĩa vụ; tập hợp rộng rãi và nâng cao tính tự giác của hội viên, đoàn viên để xây dựng tổ chức hội ngày càng vững mạnh; tăng cường tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương đến

mọi người dân và vận động dân thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH, an ninh, quốc phòng và các phong trào thi đua tại địa phương;

- Thực hiện tốt pháp lệnh dân chủ cơ sở, phản ánh ý kiến của quần chúng về xây dựng Đảng, chính quyền, tham gia hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân;

- Làm tốt công tác xã hội hoá xây dựng quỹ hoạt động, có cơ chế hỗ trợ, động viên khen thưởng kịp thời đối với đội ngũ cán bộ làm ở các chi, tổ hội.

*** Kinh phí thực hiện (Chi hoạt động): 4,8 tỷ đồng.**

4.6. Giữ vững an ninh trật tự xã hội nông thôn: (tiêu chí số 19). Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 chỉ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

Duy trì, giữ vững và phát huy tốt khối đại đoàn kết toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

*** Kinh phí thực hiện: 1,6 tỷ đồng.**

III. TỔNG HỢP VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Căn cứ vào nội dung thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện các tiêu chí NTM để xác định được nhu cầu vốn, như sau:

1. Vốn dự kiến:

TT	Nội dung	Giai đoạn 2013 – 2020	Vốn hàng năm (Tỷ đồng)							
			2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
	TỔNG VỐN	126,1	7,21	18,8	19,3	18,8	17,4	19,6	13,3	11,3
I	Vốn đầu tư XDCB	92,85	5,54	15,2	15,6	14,6	9,74	15,5	9,23	7,2
	- Giao thông	19,60	2,39	1,30	2,56	3,30	4,29	5,74		
	- Thủy lợi	31,01			6,47	6,33	5,2	4,822	5,188	3
	- Điện	8	2	5	1					
	- Trường học	16,35	0,35	6,8	4,40	4,8				
	- Trạm Y tế	1,45							1,25	0,2
	- Cơ sở vật chất văn hoá									
	+ Xây dựng Bưu điện	2,2		1	1,2					
	+ Trụ sở xã, thôn, khu sinh hoạt nhân dân	12,6	0,8	0,8				4	3	4
	- Xây dựng chợ, Trung tâm thương mại	1,45				0,2	0,25	1		
	- Nhà ở dân cư	0,38		0,38						
II	Vốn phát triển sản xuất	2,80	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35
1	Đổi mới và phát triển các hình thức TC SX	2,80	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35	0,350
III	Vốn về Văn hoá - Giáo dục - Y tế - Môi trường	20,1	0,42	2,23	2,23	2,73	5,878	2,23	2,23	2,25
1	Giáo dục, đào tạo, y tế	0,82	0,05	0,11	0,11	0,11	0,11	0,11	0,11	0,11

2	Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường	19,3	0,37	2,12	2,12	2,62	5,76	2,12	2,12	2,14
IV	Vốn về xây dựng hệ thống chính trị	7,92	0,8	0,8	0,8	0,8	1,18	1,18	1,18	1,18
1	Nâng cao chất lượng TC CSD	4,8	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6	0,6
2	Giữ vững ANTT	1,6	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2
3	Xây dựng đời sống văn hoá	1,52					0,38	0,38	0,38	0,38
V	Chuyển đổi cơ cấu lao động	2,4	0,1	0,2	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35

2. Cơ cấu nguồn vốn

TT	Cơ cấu vốn đầu tư	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Vốn từ chương trình MTGQ xây dựng nông thôn mới							Lồng ghép từ các chương trình dự án khác
			Ngân sách			Doang nghiệp	Dân góp	Xã hội hóa	Khác	
			TW	Tỉnh/Huyện	Xã					
	TỔNG VỐN	126,181	41,89	33,27	14,93	11,172	18,2	3,88	2,81	
I	Vốn đầu tư XDCB	92,859	34,5	28,01	11,2	9,742	3,36	3,71	2,25	
1	Giao thông	19,601	7,84	3,92	3,92		1,96		1,96	
2	Thủy lợi	31,015	14,2	11,60	2,60	1,302	1,30			
2.1	Kênh mương nội đồng	13,015	5,20	2,603	2,60	1,302	1,30			
2.2	Áp tưới đề sông	18	9	9						
3	Điện	8				8				
4	Trường học	16,355	6,08	9,12	1,15					
4.1	Xây mới các phòng học	15,2	6,08	9,12						
4.2	Tường rào công nghệ	1,155			1,15					
5	Trạm y tế	1,25	0,5	0,25	0,25				0,25	
6	CSCCVH	14,8								
6.1	Bưu điện	2,2	0,88	0,44	0,44	0,44				
6.2	Trụ sở xã, thôn	12,6	5,04	2,52	2,52			2,52		
7	Chợ, TTTM	1,45			0,33			1,08	0,04	
8	- Nhà ở dân cư	0,388		0,165			0,10	0,118		
II	Vốn phát triển sản xuất	2,804	1,12	0,560	0,56				0,56	
III	Vốn Văn hóa-GD-Y tế- MT	20,198	2,10	1,051	1,57	0,95	14,3	0,164		
1	Giáo dục - YT	0,82			0,65			0,164		
2	Cấp nước sạch và VSMT	19,378	2,10	1,051	0,92	0,95	14,3			
IV	Vốn về xây dựng Hệ TCT	7,92	3,16	3,168	1,58					

1	Nâng cao chất lượng Hệ TCT	4,8	1,92	1,92	0,96					
2	Giữ vững ANTT	1,6	0,64	0,64	0,32					
3	Xây dựng đời sống Văn hóa	1,52	0,60	0,608	0,30					
V	Chuyển dịch cơ cấu LĐ	2,4	0,96	0,48		0,48	0,48			

*** Cơ cấu các nguồn vốn:**

1. Vốn ngân sách Trung ương, tính chiếm 50% (theo Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND tỉnh Bình Định, trong đó TW 40%; tỉnh 10%).

2. Vốn địa phương 50%, gồm có:

- Ngân sách huyện;
- Ngân sách xã (bao gồm tiền chuyển quyền sử dụng đất);
- Vốn huy động nhân dân và các nguồn tài chính hợp pháp khác (vốn HTX, vốn huy động dân gồm: ủng hộ tiền đền bù về đất, đóng góp bằng ngày công, hiện vật...)

IV. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Về Kinh tế.

- Phân đầu đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 40 triệu đồng/năm.

Từ năm 2016 trở đi thu nhập bình quân đầu người tăng từ 25-30%/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo: Phân đầu đến năm 2020 không còn hộ nghèo
- Hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế: Đề án được thực hiện sẽ mang lại giá trị sản phẩm tăng thêm hàng năm so với trước khi có đề án.
- Hạ tầng kinh tế xã hội: Đến hết năm 2020, cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội tương đối đồng bộ và phù hợp, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành nghề, tạo công ăn việc làm, thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển.

2. Về văn hóa - xã hội.

Đề án thể hiện rõ tính hiệu quả về mặt xã hội, đó là:

- Bố trí, cơ cấu lại lao động một cách hợp lý.
- Giải quyết việc làm và tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 40% trở lên.
- Quản lý một cách bài bản, có hệ thống về phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch, cơ bản kiểm soát được về môi trường do các ngành sản xuất tạo ra.

3. Về môi trường.

Khi đề án thực hiện sẽ tạo cảnh quan đẹp, khu vực điểm sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung, hệ thống thu gom rác thải, ... đồng thời người dân có ý thức hơn về bảo vệ và phát triển môi trường sẽ tạo môi trường xanh, sạch, đẹp và bền vững.

Nhờ áp dụng chính trình “3 giảm, 3 tăng”, sử dụng thuốc theo nguyên tắc “4 đúng”, chương trình quản lý dịch hại IBM... sẽ giảm tác hại do ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật gây ra, đồng thời giúp cho môi trường sống và sức khỏe con người được cải thiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Đề án xây dựng nông thôn mới.

Sau khi đề án xây dựng nông thôn mới được UBND huyện phê duyệt sẽ công khai đề cán bộ đảng viên và nhân dân biết. Thông qua đó để nhân dân hiểu rõ về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và là người trực tiếp được hưởng lợi từ Chương trình gắn với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Đảng ủy xã Phước Hiệp xây dựng chương trình hành động làm căn cứ để HĐND và UBND xã triển khai thực hiện. Đồng thời xây dựng các chương trình cam kết phối hợp hành động với các ngành thuộc huyện để triển khai, thực hiện và tranh thủ sự hỗ trợ đảm bảo Nghị quyết thực hiện có hiệu quả đạt mục tiêu đề ra.

Các tổ chức đoàn thể và toàn bộ hệ thống chính trị có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng và thực hiện đề án để toàn dân đồng tình ủng hộ và thực hiện các chương trình xã hội hóa để phát triển kinh tế - xã hội.

UBND xã phối hợp với các ngành chức năng của huyện trên cơ sở các cơ chế chính sách của Nhà nước, của thành phố và sự ưu tiên tập trung lãnh đạo của Huyện ủy, UBND huyện để triển khai những tiêu chí của ngành mình thực hiện bộ tiêu chí nông thôn mới để tập trung ưu tiên hướng dẫn, hỗ trợ đảm bảo thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm.

Căn cứ vào đề án và quy hoạch đã được phê duyệt. Ban Quản lý xã, Ban Phát triển thôn có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng trình tự quy định về xây dựng cơ bản hiện hành;

Tài chính xã theo chức năng nhiệm vụ của mình chủ động tham mưu giúp UBND xã trong việc cân đối, khai thác nguồn vốn, điều chỉnh bổ sung và sắp xếp các dự án đầu tư theo trình tự ưu tiên đảm bảo thực hiện có hiệu quả.

3. Tiếp nhận và huy động các nguồn lực xây dựng nông thôn mới.

- Khai thác các nguồn vốn theo chương trình mục tiêu quốc gia của Trung ương và thành phố; các chương trình dự án có mục tiêu đang triển khai trên địa bàn nông thôn và tiếp tục triển khai trong thời gian tới như; chương trình giảm nghèo, chương trình quốc gia về việc làm, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chương trình kế hoạch hóa gia đình, hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi. Đầu tư kiên cố hóa trường lớp học, kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn;

- Vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp của chương trình nông thôn mới các cấp.

- Huy động vốn đầu tư của các doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước... được hỗ trợ sau đầu tư hoặc hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định;

- Huy động tối đa nguồn lực đóng góp tự nguyện của nhân dân;

- Vốn tín dụng thương mại theo qui định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn.

4. Tổ chức giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

- Hàng năm tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết về kết quả thực hiện theo từng nội dung tiêu chí, xây dựng kế hoạch và mức độ hoàn thành cho năm tiếp theo.

- Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện dự án có những khó khăn, vướng mắc phát sinh. UBND xã sẽ xin ý kiến UBND huyện và các ngành có liên quan điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế đảm bảo thực hiện thành công Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố đề án xây dựng nông thôn mới được phê duyệt tại quyết định này để các tổ chức, đơn vị và nhân dân biết để thực hiện theo đúng đề án.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư theo quy hoạch đảm bảo đúng pháp luật.

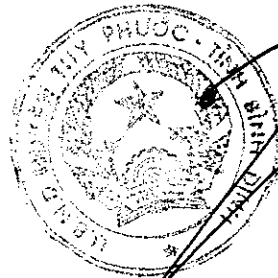
- Trong quá trình thực hiện tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật Đề án cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm về xây dựng nông thôn mới.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND xã Phước Hiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

ho
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Điều phối tỉnh;
- Sở xây dựng tỉnh;
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện;
- LĐVP;
- Lưu VT. K2, K3. T. 22 b



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Huệ